

# CẦN ĐẦU TƯ THIẾT BỊ KỸ THUẬT ĐỂ NGĂN CHẶN CHÁY LỚN TRONG CÁC CƠ SỞ KINH TẾ

PHẠM VĂN THỤ

*Một trong những nguyên nhân xảy ra cháy lớn ở các cơ sở kinh tế là thiếu các thiết bị phòng cháy, chữa cháy nhưng do cơ chế quan liêu bao cấp trước đây, vấn đề này chưa được quan tâm đúng mức.*

*Cùng với sự đổi mới nhận thức, chúng ta cần khẩn trương nghiên cứu đầu tư và sử dụng các thiết bị kỹ thuật phòng cháy, chữa cháy, phòng nổ, phòng độc nhằm hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do nạn cháy gây ra.*

**T**RONG những năm qua, trên đất nước ta đã xảy ra nhiều vụ cháy lớn, gây tổn thất rất nghiêm trọng đến tài sản xã hội chủ nghĩa, tính mạng và tài sản của nhân dân, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự, làm khó khăn thêm nền kinh tế xã hội và cuộc sống của mỗi con người. Thành phố Hải Phòng cũng ở trong tình trạng chung của cả nước. Không ít những vụ cháy lớn đã xảy ra. Có thể kể một số vụ điển hình như vụ cháy Kho 5 cảng Hải Phòng (4-1981), vụ cháy Kho 9 Tổng kho III Lạc Viên (12-1987); vụ cháy Xi nghiệp giầy dép số 1 (4-1988) v.v...

Trong lúc đất nước đang gặp nhiều khó khăn gay gắt về kinh tế và đời sống thì nạn cháy khác nào «kiếm củi ba năm thiêu một giờ». Công sức, mồ hôi của nhân dân ta xây dựng nên những cơ sở vật chất kỹ thuật cho CNXH bỗng chốc biến thành tro tàn.

Nạn cháy xảy ra do nhiều nguyên nhân và những yếu tố khác nhau. Khi sản xuất mở rộng, những tiến bộ khoa học và kỹ thuật được áp dụng để phát triển sản xuất thì nguy cơ cháy lớn càng tăng. Chúng ta cần phân tích rõ những nguyên nhân cơ bản gây ra nạn cháy và phải xóa bỏ quan điểm thiên cận, do chỉ vì «tiết kiệm không phải lối» mà cắt bỏ những máy móc thiết bị kỹ thuật cần thiết cho việc đảm bảo an toàn trong dây chuyền sản xuất để xảy ra biết bao vụ cháy đáng tiếc. Xin nêu một vài dẫn chứng:

— Vụ cháy hóa chất ở cảng Vật Cách năm 1981: Hàng trăm tấn hóa chất nhập ngoại là loại hóa chất dễ tự bốc cháy khi có hơi nước hoặc gặp nước. Song ta nhập lên cảng vì thiếu kho nên đã để số hóa chất đó trên bãi cảng, gặp trận mưa rào lớn, cùng một lúc cả bãi để hóa chất bốc cháy ngùn ngụt gây thiệt hại toàn bộ số hóa chất ta vừa mới nhập nhằm phục vụ cho sản xuất của ngành công nghiệp nhẹ.

— Vụ nổ tàu Thượng—Lý năm 1982: Đó là chiếc tàu cũ ta mua lại của Nhật Bản, thuộc loại tàu có thiết kế để chở dầu cấp II, nhưng ta lại sử dụng cho chở dầu cấp I. Xăng rò rỉ vào buồng máy, gây nổ làm vỡ máy cái. Tàu phải ngừng hoạt động để sửa chữa hơn 2 tháng, chi phí riêng cho sửa chữa lên tới hàng chục triệu đồng (tiền năm 1982).

— Vụ cháy phân xưởng đánh keo của Xi nghiệp giầy dép số 2 năm 1987: là phân xưởng làm keo dán phục vụ sản xuất giầy dép xuất khẩu. Ở đây luôn có nguy cơ cháy — nổ vì nồng độ hơi xăng công nghiệp và bụi của các loại hóa chất dễ cháy và độc. Đáng lẽ phân xưởng phải được trang bị hệ thống thông hơi thoáng gió cưỡng bức để làm giảm nồng độ cháy; phải có các máy móc thiết bị đo nồng độ cháy — nổ. Khi tới hạn, máy tự động báo để người trực xử lý, hạ nồng độ xuống giới hạn an toàn. Hệ thống điện phải được lắp đặt thiết bị phòng nổ. Nhưng

phân xưởng không được trang bị một hệ thống an toàn nào nên cháy lớn đã xảy ra, làm hỏng toàn bộ 4 máy đánh keo và một số tài sản khác v.v...

Việc sản xuất, kinh doanh phải gắn chặt với công tác bảo vệ, đặc biệt là việc phòng ngừa tai nạn cháy - nổ. Việc làm này đòi hỏi phải áp dụng những tiến bộ khoa học và kỹ thuật tiên tiến phù hợp với trình độ khoa học và kỹ thuật của nền sản xuất và khả năng của nền kinh tế xã hội.

Kỹ thuật công nghiệp của nước ngoài đầu tư vào nền kinh tế của ta rất đa dạng, thuộc nhiều nước như Liên Xô, Trung Quốc, CHDC Đức, Tiệp Khắc, Ba Lan, Anh, Pháp, Mỹ, Nhật, v.v... Có xí nghiệp cùng một lúc sử dụng kỹ thuật của nhiều nước. Do đó việc áp dụng những biện pháp khoa học và kỹ thuật, đề phòng ngừa tai nạn cháy - nổ cũng rất phức tạp và khó khăn.

Từ trước đến nay, chúng ta có tình trạng nhập máy móc thiết bị không đồng bộ, thường chỉ nhập phần chủ yếu cho sản xuất, còn phần kỹ thuật bảo vệ sản xuất lại không được quan tâm, thậm chí bỏ không nhập với lý do thiếu ngoại tệ v.v... Chính những suy nghĩ đó đã dẫn đến các vụ cháy gây thiệt hại nghiêm trọng. Đơn cử một vài thí dụ:

- Nhà máy thủy tinh Hải Phòng được nước CHDC Đức giúp trang thiết bị để sản xuất 1 số mặt hàng thủy tinh cao cấp. Trong quá trình sản xuất, các phân xưởng phải sử dụng khí than (hơi ga) vào các lò đốt. Hơi ga tạo với không khí thành nồng độ dễ cháy nổ và rất độc đối với người. Lẽ ra tại các phân xưởng đó phải được trang bị máy đo nồng độ hơi ga để phát hiện kịp thời sự cố van ống dẫn hơi ga bị rò rỉ, báo động cho người trực xử lý. Nhưng thiết bị rất cần thiết như vậy cũng không có.

Hay nói về thiết bị phòng cháy chữa cháy trên tàu biển chở khách Thống nhất. Đó là một chiếc tàu cũ ta mua của Na Uy từ năm 1975. Tuy là tàu cũ nhưng các trang thiết bị này vẫn còn hoạt động tốt. Hệ thống báo cháy tự động được lắp đặt ở tất cả mọi nơi. Chỉ cần một chỗ nào đó có cháy, nhiệt độ lên tới 72°C là đầu báo cháy tự động báo về trung tâm và báo động toàn tàu. Hệ thống chữa cháy tự động của tàu được lắp đặt ở những nơi cần thiết, mỗi khi ở khu vực đó có cháy nhiệt độ trên 70°C, lập tức hệ thống chữa cháy tự động hoạt động, phun nước dập tắt đám cháy ngay từ đầu. Nếu chờ con người đến thao tác đội hình, dù có nhanh cũng mất từ 5 ÷ 10 phút, lúc đó đám cháy đã phát triển lớn, việc cứu chữa sẽ rất khó khăn. Ngoài ra, trên tàu lại có hệ thống ngăn cháy. Toàn tàu có 36 cửa ngăn cháy. Mỗi khi tàu có cháy, các cửa đó tự động đóng lại để ngăn khói

ngăn lửa, không cho lan sang khu vực khác để có thời gian cứu người và dập lửa. Nhưng qua 14 năm sử dụng ở Việt Nam, các hệ thống này bị hỏng, không còn tác dụng phòng và chữa cháy cho tàu nữa. Hàng năm tàu được đưa đi sửa chữa lớn ở nước ngoài, nhưng vì không đủ ngoại tệ nên các hệ thống đó không được sửa chữa. Nếu chẳng may xảy ra cháy lớn ở tàu khách Thống Nhất, nhất là khi tàu đang hành trình trên biển, chắc chắn không có khả năng cứu chữa và thiệt hại về người sẽ là một thảm họa lớn.

Chúng ta thường nói: «con người làm nên tất cả». Chân lý đó chỉ đúng khi ta hiểu và biết sử dụng những thành quả của tiến bộ khoa học và kỹ thuật vào nền kinh tế, chứ không phải lấy con người tại chỗ để làm thay những máy móc thiết bị kỹ thuật. Trái qua bao thế hệ, qua bao tồn thất, con người mới xây dựng được các quy định để bảo vệ thành quả lao động của mình. Nói cách khác, các quy trình quy phạm về phòng cháy chữa cháy, phòng nổ phòng độc của Nhà nước ban hành là tập hợp của quá trình đúc kết kinh nghiệm thực tế mà xây dựng nên. Nó bắt buộc mọi cấp, mọi cơ sở, mọi người phải nghiêm chỉnh thực hiện.

Chế độ quan liêu bao cấp trước đây đã hình thành trong phần lớn những người lãnh đạo sản xuất tư tưởng chủ quan, coi thường pháp luật, không thực hiện nghiêm túc quy trình, quy phạm. Có cháy thì cháy của Nhà nước, của nhân dân, còn cá nhân vẫn đủ lương đủ tiêu chuẩn. Ngày nay với cơ chế quản lý kinh tế mới, nếu để xảy ra cháy là cháy của đơn vị, của cá nhân mỗi thành viên trong đơn vị đó. Do đó chúng ta cần đổi mới nhận thức để thực sự quan tâm đến các biện pháp kỹ thuật phục vụ cho công tác phòng ngừa tai nạn cháy nổ. Trước hết, tùy theo tính chất đặc điểm của cơ sở để đầu tư những hệ thống, những trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, phòng nổ, phòng độc dưới đây:

1. Hệ thống cửa phòng nổ: Ở những cơ sở trong quá trình sản xuất có sử dụng những hợp chất dễ nổ, hơi hoặc khí dễ cháy nổ, nhất thiết phải xây dựng hệ thống này. Diện tích bề mặt cửa phòng nổ phải căn cứ vào áp suất nổ của chất tạo nổ để tính toán cho phù hợp. Nếu có xảy ra nổ thì áp suất của nó chỉ phá vỡ diện tích bề mặt cửa phòng nổ mà không phá hủy các máy móc, cấu kiện chính của công trình.

2. Hệ thống máy đo nồng độ cháy nổ: Hệ thống này được lắp đặt ở những cơ sở sản xuất có hơi hoặc bụi hỗn hợp với không khí thành nồng độ có nguy cơ cháy nổ. Khi nồng độ khí cháy trong môi trường đạt tới giới hạn cho phép, máy sẽ báo động để xử lý kịp thời, không để tai nạn xảy ra.

3. Hệ thống thông hơi thoáng gió: Căn cứ vào đặc điểm sản xuất, vào mức độ nguy hiểm về cháy, nổ, độc của hơi hoặc bụi trong các dây chuyền sản xuất mà quyết định đặt hệ thống thông hơi thoáng gió tự nhiên hoặc cưỡng bức bằng cơ khí. Phải tính toán lượng khí hút ra và đưa vào sao cho đảm bảo làm sạch môi trường khu vực sản xuất.

4. Hệ thống báo cháy tự động: hệ thống này cần lắp đặt ở những khu vực sản xuất, các kho tàng, các tàu biển... mà ở đó có nhiều nguy hiểm về cháy, ít người qua lại, nơi khó phát hiện cháy sớm. Có hai loại báo cháy tự động:

- Loại báo cháy bằng nhiệt: loại này khi tại chỗ xảy ra cháy, nhiệt độ lên đến  $72^{\circ}\text{C}$ , đầu báo cháy lập tức báo về trung tâm. Ở trung tâm điều khiển, nhanh chóng xác định được vị trí cháy để xử lý kịp thời.

- Loại báo cháy bằng khói: loại này cần lắp đặt ở những nơi mà khi cháy có tốc độ chậm và tỏa nhiều khói. Từ trung tâm điều khiển có thể phát hiện sớm khu vực cháy để xử lý.

5. Hệ thống chữa cháy tự động: Hệ thống này cần được lắp đặt ở những nơi có nhiều hàng hóa quý, hiếm, dễ cháy; những nơi chứa dụng hoặc

sản xuất có nhiều chất dễ cháy với tốc độ nhanh; những nơi khi có cháy xảy ra, việc triển khai đội hình cứu chữa gặp khó khăn như các hầm tàu v.v... Tùy theo tính chất cháy của mỗi loại hàng hóa để lắp đặt hệ thống chữa cháy tự động bằng nước, bằng bột hóa học, bằng khí trơ, bằng hơi nước v.v...

6. Tất cả các cơ sở sản xuất, kho tàng công sở, khu dân cư v.v... nhất thiết phải được trang bị đầy đủ phương tiện, dụng cụ chữa cháy ban đầu. Căn cứ vào tính chất, quy mô của từng cơ sở để trang bị phương tiện chữa cháy cho phù hợp và đủ về số lượng để khi mới xảy ra cháy, tại chỗ nhanh chóng sử dụng nó dập tắt lửa mới hạn chế được thiệt hại.

Thực tiễn của công tác phòng cháy chữa cháy trong thời gian qua đòi hỏi các ngành, các cấp, các cơ sở cần khẩn trương kiểm tra, rà soát lại và nghiên cứu đầu tư, sử dụng các hệ thống phòng cháy chữa cháy, phòng nổ, phòng độc nêu trên, tạo điều kiện cần thiết để bảo vệ sản xuất, bảo vệ con người, và cũng là thiết thực tham gia vào cuộc đời mới đang diễn ra mạnh mẽ hiện nay.

*Biên tập: Nguyễn Chân Giác*

## HƯỚNG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG...

*(Tiếp theo trang 28)*

xuất khoảng: 1.525.000 tấn than cục có độ tro dưới 6%, trong đó đặc biệt có 815.000 tấn than cục số 4 và 5 có giá trị và được thị trường ngoài nước ưa chuộng; 625.000 tấn than cám có độ tro nhỏ hơn 15% hoặc 59.600 tấn than cám có độ tro nhỏ hơn 6%; 250.000 tấn than cám có độ tro nhỏ hơn 27%. Ngoài ra Nhà máy còn có khả năng sản xuất các loại than theo yêu cầu của khách hàng kể cả khách hàng có yêu cầu dùng antracit của ta làm nguyên liệu.

Ưu điểm lớn nhất của phương án là trong một thời gian ngắn, kết hợp giữa cải hiện có và cải mới, tạo ra một dây chuyền đồng bộ, đảm bảo được yêu cầu về chất lượng và số lượng, tạo điều kiện xoay chuyển tình hình trong cơ cấu sản xuất than của ta.

Để cân đối tỉ trọng xuất khẩu cho các khu vực, Bộ năng lượng chủ trương xây dựng một

nhà máy tuyển mới ở khu vực Hồng Gai đảm bảo tuyển toàn bộ than cục và 50% lượng than cám có trong nguyên khai. Sản phẩm than cục có độ tro dưới 6% và than cám có độ tro dưới 15%.

Về việc cấp than nội địa, thời gian tới Bộ năng lượng sẽ cải tạo lại hệ thống sàng và tuyển vận chuyển của các nhà máy tuyển bảo đảm sản xuất than cám có kích thước hạt 10 - 15mm, tạo một bước nâng cao về chất lượng than cám.

Với tất cả các biện pháp trên và sự quan tâm đúng mức về công tác chất lượng của Nhà nước và các cơ quan có liên quan, chắc rằng sản phẩm than sẽ có chất lượng tốt hơn, ổn định hơn và sẽ tạo điều kiện cho Ngành than ngày càng phát triển.

*Biên tập: Đặng Ngọc Bảo*